TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 344 /2023/DS-PT
Ngày 22 – 6 - 2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Ông Trần Hữu Tính.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2023/TLPT-DS ngày 22/5/2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST ngày 19/12/2022 của Toà án nhân dân thị xã CL, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 598/2023/QĐ-PT ngày 31/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1986 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp TH, xã TP, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*:

1. Anh Ngô Văn N, sinh năm 1976.
2. Chị Trần Ngọc A, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp TT, xã TP, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A: Ông Phan Văn D, sinh năm 1963 (có mặt) (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/12/2022).

Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Vào năm 2021, chị có tham gia 02 dây hụi do chị Trần Ngọc A làm đầu thảo. Cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 10/9/2021, mỗi tháng khui một lần, có 21 phần, chị tham gia một phần. Từ lần khui thứ nhất đến thứ 11 chị đều đóng tiền hụi đầy đủ, đến lần khui hụi thứ 12 thì chị A ngưng không khui nữa. Tổng số tiền chị A còn nợ chị trong dây hụi này là: 2.000.000 đồng x 11 phần = 22.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 06/4/2021, mỗi tháng khui một lần, có 27 phần, chị tham gia một phần. Từ lần khui thứ nhất đến thứ 15 chị đều đóng tiền hụi đầy đủ, đến lần khui hụi thứ 16 thì chị A ngưng không khui nữa. Tổng số tiền chị A còn nợ chị trong dây hụi này là: 2.000.000 đồng x 15 phần = 30.000.000 đồng.

Tại thời điểm giao dịch hụi chị Trần Ngọc A với anh Ngô Văn N là vợ chồng nên đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng. Do đó, nay chị khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị tổng số tiền hụi là 52.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Trần Ngọc A trình bày:

Anh Ngô Văn N là chồng của chị. Chị có làm đầu thảo hụi, do bị bể hụi nên hiện còn nợ chị T tổng số tiền hụi là 52.000.000 đồng như chị T trình bày. Khi tổ chức chơi hụi, chị khui hụi tại nhà chung của chị với anh N, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình là do chị lo, nhưng việc chị chơi hụi với chị T anh N không có tham gia. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T, chị có ý kiến như sau: Thống nhất có nợ chị Nguyễn Thị Hồng T 52.000.000 đồng, đồng ý lãnh trách nhiệm cá nhân trả cho chị T số tiền trên nhưng xin trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do bị bể hụi thiếu nợ nhiều người.

* Bị đơn anh Ngô Văn N trình bày:

Anh là chồng của chị Trần Ngọc A. Việc chị Trần Ngọc A chơi hụi với nguyên đơn anh không biết nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST ngày 19/12/2022 của Toà án nhân dân thị xã CL, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 357, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T về việc buộc anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A phải cùng liên đới trả số tiền hụi là 52.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã CL để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí:

Anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A phải liên đới chịu 2.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng T 1.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002673 ngày 18/10/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 28/12/2023, chị Trần Ngọc A và anh Ngô Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chị A không đồng ý trả cho chị T 52.000.000 đồng, chị A chỉ đồng ý trả chị T số tiền 28.010.000 đồng và xin được trả dần nhiều kỳ, mỗi kỳ 3.000.000 đồng/03 tháng cho đến khi hết số nợ 28.010.000 đồng. Anh Ngô Văn N không đồng ý liên đới chịu trách nhiệm cùng chị A trả số tiền hụi cho chị T vì anh N không đồng ý cho chị A tổ chức chơi hụi, chị A tự chơi tự chịu trách nhiệm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Ông Phan Văn D – đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A trình bày: Chị A kháng cáo yêu cầu xem xét chấp nhận cho chị A trả cho chị T tiền hụi sống đã góp 29.010.000 đồng và xin trả dần. Anh N kháng cáo không đồng ý liên đới cùng chị A trả tiền hụi cho chị T vì anh N không có tham gia việc chị A chơi hụi.

- Chị Nguyễn Thị Hồng T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh N và chị A, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Chị A kháng cáo yêu cầu được trả tiền vốn hụi và xin trả dần, nhưng không được chị T đồng ý. Anh N và chị A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị A và anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Ngọc A; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của chị A về việc chỉ đồng ý trả tiền vốn hụi 29.010.000 đồng cho chị T:

Chị Trần Ngọc A thừa nhận: Chị A có làm đầu thảo hụi và chị T có tham gia 02 dây hụi như chị T yêu cầu. Chị A cho rằng chị T đã góp hụi tổng số tiền 29.010.0000 đồng, chỉ đồng ý trả số tiền này, không đồng ý trả cho chị T số tiền hụi 52.000.000 đồng.

Xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm **(**Bút lục 57) và tại Biên bản hòa giải ngày 28/11/2022 (Bút lục 49), chị A xác định: còn nợ chị T tiền hụi 52.000.000 đồng, đồng ý cá nhân chị lãnh trả cho chị T và xin trả nợ dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D – đại diện theo ủy quyền của chị A xác định hai bên thỏa thuận hụi có lãi.

Tại khoản 7 Điều 4 và điểm b khoản 2 Điều 16, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, biêu, phường quy định: "*Họ có lãi là họ mà thành viên được lĩnh họ nhận các phần họ khi đến kỳ mở họ và phải trả lãi cho các thành viên khác. Thành viên trong họ có lãi có các nghĩa vụ trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh họ khi được lĩnh họ. Nghĩa vụ của chủ họ: nộp thay phần họ của thành viên nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*".

Chị A kháng cáo chỉ đồng ý trả cho chị T vốn hụi chị T đã đóng số tiền 29.010.000 đồng; nhưng chị T không đồng ý. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của chị A là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của chị A về việc xin trả dần:

Chị Trần Ngọc A xin trả dần số tiền 29.010.000 đồng cho chị T, mỗi kỳ trả 3.000.000 đồng/03 tháng cho đến khi hết nợ 29.010.000 đồng, nhưng không được chị T chấp nhận. Do vậy, yêu cầu kháng cáo xin được trả dần của chị A là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Văn N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại thời điểm chị Trần Ngọc A tổ chức chơi hụi với chị Nguyễn Thị Hồng T và cho đến hiện nay thì giữa chị Trần Ngọc A và anh Ngô Văn N vẫn đang tồn tại quan hệ hôn nhân. Việc chị A tổ chức chơi hụi tại nhà chung của chị A với anh N được chị A xác nhận là anh N có biết (Bút lục 57). Số tiền nợ hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 57), chị A xác định mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do chị lo và anh N có biết chị tổ chức chơi hụi. Như vậy, thu nhập từ việc tổ chức chơi hụi của chị A là nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "*vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"; và tại khoản 2 Điều 37* Luật Hôn nhân gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ chung "*do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu gia đình*". Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh N cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của anh N là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A và anh N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Cho nên, yêu cầu kháng cáo của chị A và anh N là không có cơ sở để chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của chị Trần Ngọc A và anh Ngô Văn N không được chấp nhận nên chị A và anh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 357, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST ngày 19/12/2023 của Toà án nhân dân thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T.

Buộc anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A phải cùng liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Hồng T số tiền hụi 52.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã CL để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A phải liên đới chịu 2.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng T 1.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002673 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Trần Ngọc A và anh Ngô Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018339 ngày 30/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã CL, nên xem như đã thực hiện xong án phí dân sự phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã CL;
- CCTHADS thị xã CL;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2023-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Trung